

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 53

Thiên thứ 58: CƠ BIỆN

Thiên này có ba phần: Thuật ý, Bồ-tát, La hán.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Nghĩ rằng Tam tạng mênh mông mà Thất chúng rối rắm, thiết giáo đủ cơ hiểu thông suốt rõ ràng, nghe thấy Khổ-Tập thì đau xót theo tình, thuận theo Diệt Đạo thì vui mừng tỏ ngộ, âm vận trong treo phát ra như Chi-Lan, Cung-Thương cao vút dẫn lối cho tai mắt. Vì lẽ đó Mã Minh mở đường cho tông chỉ sâu xa, Long Thọ làm rung động tận cùng đầu mối, Đề Bà quay trở lại danh số vốn có, La hán tổng hợp lại mạch lạc rõ ràng; đồng thời giúp đỡ về Diệu Điển-cắt bỏ những Ngoại Học, lạc hướng thấy đường đi-đem dài gặp ánh sáng, nối tiếp mô phạm cao xa của Thích Điển, bày tỏ kỹ thuật chuẩn mực của Sư Tư, thuộc về điểm này vậy. Có thể nói là to lớn thay! Kỳ Viên giống như tồn tại, Lộc Uyển dường như trông thấy, quả thật chưa chứng quả mà hưởng về gần với Phật rồi.

Thứ hai- PHẦN BỒ TÁT

Trong Mã Minh Bồ-tát truyện nói: “Hơn ba trăm năm sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn (Trong kinh Ma-gia nói là sáu trăm năm), Mã Minh ra đời tại nước Tang Kỳ Đa ở phía Đông Thiên Trúc, thuộc giòng Bà-la-môn. Hình dáng nhỏ bé nhưng rất thông minh, dùng văn chương bàn luận để tìm người tương xứng. Các Luận sư - văn sĩ giỏi pháp thế gian vùng Thiên Trúc, đều giữ lấy tướng thù thắng để biểu hiện phẩm đức của mình. Mã Minh sử dụng cách thông thường ấy, lấy dao sắc khắc vào cây gậy lời mình rằng: Trí sĩ trong thiên hạ có ai có năng lực dùng một lý lẽ mà khuất phục được - một lời văn mà thắng được, thì sẽ dùng dao này tự cắt đầu mình! Thường cầm dao này đi khắp các nước, hàng học thức văn chương lý luận không có ai có năng lực chống cự. Lúc này

trong núi Vân Đà có một La hán, tên là Phú Lô Na, ngoại đạo nói lý lẽ không có gì không thông hiểu. Thế là Mã Minh đến nơi ấy thăm hỏi, thấy vị ấy ngồi nghiêm trang cuối rừng, chí khí xa vời dường như không thể biết được, thần sắc khiêm tốn giống như có thể khuất phục, liền đi lại trò chuyện với Sa môn. Dám phát ra lời thề, nhất định phải làm cho ông khuất phục, nếu tôi không thắng được thì cắt cổ tạ lỗi với ông. Sa môn im lặng không nói gì, vẻ mặt không có gì chịu thua, cũng không tỏ ra thắng cuộc. Nhiều lần như vậy nhưng không hề biểu lộ tình ý thế nào. Mã Minh rút lui tự suy nghĩ: Mình thua rồi, ông ta thắng rồi, ông ta im lặng không nói cho nên không thể khuất phục được, vì mình đã nói, tuy người biết nói có thể làm cho khuất phục, mà tự mình không thể tránh được lời nói, thật sự đáng hổ thẹn quá! Rút lui nhận lỗi mình đã bị khuất phục, thế là muốn tự cắt đầu mình. Sa môn ngăn lại: Ông dùng sự tự cắt đầu để nhận lỗi với Ta, thì nên thuận theo ý Ta mà cạo đầu, ông đi khắp nơi làm đệ tử của Ta! Liền dùng lý làm cho phải khuất phục, cạo tóc bỏ râu cài thọ cụ tức giới, ngồi thì dùng văn chương nói về Phật pháp, đi lại thì xiển dương hóa đạo, soạn ra các luận Trang Nghiêm Phật pháp hơn trăm vạn chữ, lưu hành khắp Thiên Trúc, cả thế gian đều tôn sùng, lấy làm phương thức tạo tác. Tuy rằng gặp loạn Khổng Phụ của Tây Hà, nghi ngờ Thánh Sư của Thân Tử, mà giống như tre nửa đều bị gạt xa. Sau đó Long Thọ cảm nhận văn chương mới bắt đầu biên soạn các bộ luận, đã từng cúi rạp đầu làm bài kệ tự trở về với Mã Minh, khiêm tốn dựa vào sự soi chiếu sâu xa mà tự tỏ ngộ. Nay các hàng vua chúa văn sĩ trí thức ở Thiên Trúc, đều vì Mã Minh lập miếu thờ phụng như đối với Đức Phật, có thời gian bình luận hân hoan”.

Long Thọ Bồ-tát Truyện và Phú Pháp Tạng Truyện nói: ” Có một Đại sĩ, tên gọi là Long Thọ [Y theo Truyện nói: Xuất hiện ở thế gian trong bảy trăm năm sau khi Đức Phật nhập diệt. Dựa theo Huyền Trang Pháp sư Truyện nói: Chính âm của Tây Phạn gọi là Long Mãnh, xưa kia phiên âm hơi sai, cho nên gọi là Long Thọ. Xuất hiện ở thế gian ba trăm năm sau khi Đức Phật nhập diệt, hưởng thọ bảy trăm tuổi, vì vậy người ta nói sai là xuất hiện ở thế gian trong bảy trăm năm sau khi Đức Phật nhập diệt]. Tự nhiên thông minh tỏ ngộ lạ thường, việc gì nghe qua không hề hỏi lại, dựng lên pháp tràng làm cho các ngoại đạo phải khuất phục. Đầu thai vào nước phía Nam Thiên Trúc, xuất thân từ dòng dõi Phạm Chí, trong nhà giàu sang vô cùng. Lúc mới sinh ra nằm ở dưới tán cây, nhờ loài rồng mà thành đạo, vì vậy có hiệu là Long Thọ. Thờ bé thông minh trí tuệ có tài năng và học vấn vượt xa thế gian. Lúc còn

thơ ấu đang nằm ở trong tả lót, nghe các Phạm Chí tụng Tứ Vi Đà Luận, bộ Luận chuẩn mực ấy sâu rộng gồm có bốn vạn bài kệ, mỗi bài kệ có ba mươi hai chữ, đều lập tức hiểu rõ thông suốt ý vị của từng câu. Đến lúc xấp xỉ tuổi hai mươi nổi tiếng khắp các nước lân cận, thiên văn-địa lý-tinh vĩ-đồ sấm và đạo thuật khác không có gì không thông thạo. Bạn bè có ba người tư chất tự nhiên thanh tú lạ kỳ, cùng nhau bàn luận rằng: Nghĩa lý trong thiên hạ làm thông suốt thần minh, gợi mở cùng tận tôn chỉ sâu xa tăng thêm trí tuệ, dường như điều này chúng ta đều đạt được, lại lấy gì để tự làm thú vui đây? Lại dấy lên nói rằng: Thế gian chỉ có theo đuổi sắc đẹp trần trê dục vọng, thật là khoái lạc tuyệt vời nhất của một đời, nên có thể cùng nhau tìm cầu phương thuốc ẩn thân, sự việc nếu quả nhiên như vậy thì nguyện này chắc chắn thành tựu! Tất cả đều nói: Tốt lành thay, lời này thật thẳng thắn! Liền đến nơi vị thầy giỏi về pháp thuật cầu học pháp ẩn thân. Thuật sư nghĩ rằng: Bốn Phạm Chí này tài trí cao xa sanh tâm rất kiêu mạn, coi chúng sanh như cỏ rác, nay vì pháp thuật cho nên cúi mình chịu nhục đến tìm mình, nhưng hạng người này nghiên cứu cùng tận hiểu biết nhiều những điều không biết, chỉ riêng pháp thuật hèn mọn này là không biết đến, nếu truyền dạy phương pháp ấy thì vĩnh viễn bị coi như là bỏ đi, tạm thời cho họ phương thuốc khiến không biết gì, khi hết thuốc nhất định phải đến. Thuật sư hỏi han thật là sâu, sau đó trao cho mỗi người một viên thuốc màu đen, mà nói cho biết rằng: Các người mang viên thuốc này lấy nước mài rồi dùng để xoa vào đôi mắt, thân hình sẽ tự nhiên ẩn đi. Lập tức tiếp nhận lời dạy của thuật sư, tất cả đều mài viên thuốc này. Long Thọ ngửi mùi hương lập tức nhận biết, phân biệt số lượng nhiều ít chi li không sai, liền hướng về thuật sư ấy trình bày đầy đủ sự việc này, vị thuốc này đầy đủ có bảy mươi loại, tên gọi - số lượng đều giống như phương pháp ấy. Thuật sư nghe nói kinh ngạc hỏi nguyên cớ do đâu? Long Thọ đáp rằng: Đại sư nên biết, tất cả các phương thuốc tự nhiên có mùi vị của nó, vì vậy mà biết thôi, đâu đáng để ngạc nhiên! Thuật sư nghe lời ấy ca ngợi là chưa từng có, liền dấy lên nghĩ rằng: Nếu như người này thì nghe tiếng họ hãy còn khó, huống gì mình đích thân gặp mà tiếc rẻ pháp thuật này! Lập tức đem pháp thuật truyền cho cả bốn người. Bốn người y theo phương pháp hòa hợp vị thuốc này, tự che kín thân hình đi lại tự do. Thế là cùng nhau đi vào Hậu cung của nhà vua, người đẹp trong cung đều bị xâm phạm, hơn một trăm ngày sau người mang thai rất nhiều, liền kéo nhau đến thưa với nhà vua mong tha cho lỗi lầm. Nhà vua nghe vậy rồi trong lòng thật không vui, điều này chẳng

lành làm sao, vì yêu quái mới như vậy! Nhà vua triệu tập các quan có trí tuệ cùng nhau bàn tính sự việc này. Lúc ấy có một vị quan liền thưa với nhà vua rằng: Những sự việc như vậy phải có hai loại, một là do quỷ mị, hai là do phương thuật, có thể dùng đất mịn đặt trong các cửa sai người canh phòng ngăn cấm mọi người qua lại, nếu là phương thuật thì dấu vết tự nhiên hiển rõ ra, nếu là quỷ mị đi vào thì chắc chắn không có dấu vết để lại, người thì có thể dùng binh lính trừ diệt, quỷ thì nên dùng bùa chú để loại trừ. Nhà vua dùng kế ấy y theo pháp mà tiến hành. Trông thấy bốn người từ cửa mà đi vào, lúc ấy người canh phòng lập tức báo tin cho nhà vua, nhà vua dẫn theo dũng sĩ gồm mấy trăm người, vung dao giữa hư không chặt đầu ba người, gần nhà vua trong vòng bảy thước là nơi dao kiếm không đến được, Long Thọ thu mình lại mà đứng cạnh nhà vua, thế là mới hiểu rằng Dục là nguồn gốc của khổ đau, bại hoại đạo đức - tổn hại thân mạng - ô nhục phạm hạnh cũng do Dục vọng mà phát sinh, liền tự thề rằng: Nếu tôi thoát được ách nạn này, sẽ đến nơi Sa môn thọ pháp xuất gia! Đã thoát ra rồi liền đi vào núi đến một tháp thờ Phật, lia bỏ dục ái xuất gia vì đạo, trong chín mươi ngày tụng tất cả kinh luận mà cõi Diêm-phù-đề có, đều thông suốt hết thảy. Lại cầu tìm kinh điển khác nhưng cũng không có nơi nào tìm được, liền hướng về núi Tuyết gặp một Tỳ kheo, lấy pháp Ma-ha Diễn mà giảng dạy cho, nên rất vui mừng đọc tụng kính cúng dường, tuy thông hiểu thật nghĩa mà chưa chứng được đạo quả. Biện tài vô tận có năng lực luận bàn khéo léo, ngoại đạo và các học phái khác thấy đều làm cho phải khuất phục, thỉnh cầu làm bậc Thầy mẫu mực. Thế là tự nói mình là người đầy đủ mọi trí tuệ, tâm sinh ra kiêu mạn cao ngạo quá mức, liền muốn đi đến bước vào cánh cổng của Sa môn Cù Đàm kia. Lúc bấy giờ vị thần giữ cổng bảo với Long Thọ rằng: Nay trí tuệ của ông giống như ruồi muỗi, so với Như lai không phải ngôn ngữ mà có thể biện giải được, chẳng khác gì ánh lửa đom đóm mà sánh với ánh sáng chói chang của mặt Trời mặt trăng, lấy núi Tu di làm cho bằng hạt cây Đỉnh Lịch, thật là hiếm có! Tôi nhìn Nhân giả không phải là người đầy đủ mọi trí tuệ, tại sao mong muốn đi vào từ cánh cổng này? Nghe nói vậy rồi mà thẹn thùng xấu hổ vô cùng. Lúc ấy có đệ tử thưa với Long Thọ rằng: Sư luôn luôn tự cho mình là người đầy đủ mọi trí tuệ, nay đến hạ mình chịu nhục làm đệ tử Phật, pháp tắc của đệ tử là hỏi han thuận theo với Sư, hỏi han kế thừa không đầy đủ thì không phải là đầy đủ mọi trí tuệ. Thế là Long Thọ đuối lý không nói gì được nữa, tâm tự suy nghĩ rằng: Trong pháp thế gian có vô lượng cách thức để vượt qua, kinh Phật tuy vi diệu mà

câu nghĩa chưa đạt đến tận cùng, nay mình nên tiếp tục phát triển rộng ra, khai ngộ cho hàng hậu học - làm lợi ích cho chúng sanh!

Dấy lên lời này rồi ở một mình trong căn phòng thủy tinh, tĩnh thất vắng lặng. Bồ-tát Đại Long thương cho tình cảnh như vậy, liền dùng thần lực tiếp nhận đưa vào biển rộng, đến cung điện của mình mở hòm bầy báu ra, để chỉ cho các kinh điển Phương Đẳng sâu sắc, trao cho Long Thọ vô lượng diệu pháp, trong chín mươi ngày thông hiểu rất nhiều, tâm tư đi sâu vào lĩnh hội được lợi ích chân thật. Tâm niệm của Đại Long biết rõ nên hỏi rằng: Nay ông xem kinh đã hết chưa vậy? Long Thọ đáp rằng: Kinh của ông vô lượng xem không thể nào hết được, kinh tôi đã đọc đầy đủ gấp mười lần kinh đã đọc ở cõi Diêm-phù-đề. Long Vương hỏi rằng: Tất cả kinh điển có trên cõi Trời Đao Lợi và Thích Đề Hoàn Nhân gấp trăm ngàn vạn lần kinh điển có ở cung này, các nơi so với cung này dễ dàng biết được số lượng. Lúc bấy giờ, Long Thọ đã có được các kinh, bỗng nhiên thông suốt hiểu rõ Nhất Tướng, đi sâu vào Vô Sanh đầy đủ hai Nhẫn. Đại Long biết đã ngộ đạo nên đưa ra khỏi cung. Lúc ấy vua nước Nam Thiên Trúc, vốn là người rất tà kiến, tôn sùng ngoại đạo hủy báng chánh pháp, thấy Long Thọ là người đầy đủ mọi trí tuệ bèn cùng với Đại Luận sư chất vấn mà không sánh kịp, nên cúi đầu lễ lạy cung kính cạo bỏ râu tóc, cầu xin xuất gia. Vô lượng tà kiến như vậy đã được hóa độ, nhà vua thường xuyên chuyển đến mười xe y bát, cuối cùng chỉ trong một ngày đều đã hết sạch. Như vậy lần lượt cho đến vô số, mở rộng phân biệt về nghĩa lý của Ma-ha Diễn, tạo luận Ưu Ba Đề-xá- mười vạn kệ Trang Nghiêm Phật Đạo - Đại Từ Phương Tiện..., các luận như vậy đều có mười vạn kệ, làm cho Ma-ha Diễn truyền bá ở thế gian. Tạo luận Vô Úy đủ mười vạn kệ, Trung Luận sản sinh ra từ trong bộ Vô Úy, gồm có năm trăm kệ, luận ấy phổ diễn nghĩa lý sâu sắc, phá tan tà kiến của tất cả ngoại đạo. Lúc ấy có một Pháp sư thuộc phái Tiểu Thừa, thấy Long Thọ tài năng lừng lẫy nên thường ôm lòng căm ghét. Bồ-tát Long Thọ đã làm xong công việc cần làm, nên đi đến cõi ấy hỏi Pháp sư rằng: Nay ông muốn tôi tồn tại lâu dài giữa thế gian không? Đáp rằng: Nhân giả thật sư không mong như vậy. Liền đi vào phòng kín suốt ngày không xuất hiện. Đệ tử đều cảm thấy kỳ lạ, phá cửa xem sao, thì trông thấy Thầy mình lột xác mà đi. Các nước vùng Thiên Trúc đều lập miếu thờ, cúng dường các thứ, tôn kính phụng thờ giống như Đức Phật vậy”.

Phần thứ ba: La hán.

Như trong Trí Độ Luận nói: “Xá-lợi-phất ở trong tất cả các đệ

tử của Phật được tôn xưng là Trí tuệ bậc nhất, như Đức Phật thuyết kệ rằng:

*Ở trong tất cả các chúng sanh,
Chỉ ngoại trừ Đức Phật Thế tôn,
Ai muốn sánh với Xá-lợi-phất,
Về trí tuệ cùng với đa văn,
Thì ở trong mười sáu phần ấy,
Một phần hãy còn không sánh kịp.*

Xá-lợi-phất có trí tuệ đa văn, năm mới 8 tuổi tụng làu 18 bộ kinh, hiểu thông suốt tất cả nghĩa lý. Lúc ấy nước Ma-Già-đà có hai anh em Long Vương, một tên là Khiết Lợi, một tên là A-già-la, tuôn mưa theo mùa nên đất nước không năm nào mất mùa, dân chúng cảm ơn sâu sắc, thường vào tháng Trọng Xuân cùng quy tụ ở chỗ của Long Vương để tổ chức Đại hội, trỗi các thứ âm nhạc - bàn luận về nghĩa lý suốt cả ngày này. Từ xưa đến nay sự quy tụ ấy không hề thay đổi. Vào ngày này theo lệ thường đặt bốn tòa cao, một là tòa cao của Quốc vương, hai là tòa cao của Thái tử, ba là tòa cao của Đại Thần, bốn là tòa cao của Luận Sĩ. Lúc bấy giờ Xá-lợi-phất, vì mình mới tám tuổi bèn hỏi mọi người rằng: Bốn tòa cao này là dành cho ai? Mọi người đáp rằng: Dành cho Quốc vương - Thái tử - Đại Thần của Luận Sĩ. Lúc ấy Xá-lợi-phất quan sát người đương thời không ai thắng được mình, liền bước lên chỗ ngai của Luận sĩ ngai xếp bằng tròn, mọi người cảm thấy thắc mắc vô cùng, có người nói là trẻ con khờ dại không biết, có người nói là hiểu biết hơn người, tuy rằng khen ngợi sự thần dị ấy mà mọi người hãy còn trách là tự kiêu căng, khinh chê tuổi nhỏ không cho phép tự nhiên mở lời, đều sai người trẻ tuổi cất tiếng hỏi mọi việc, đáp lại những câu hỏi là ý nghĩa văn từ lý lẽ rất siêu việt. Lúc ấy các Luận sư khen ngợi là chưa hề có, tất cả mọi người ngu trí lớn nhỏ đều khuất phục. Nhà vua rất hoan hỷ, lập tức trong lệnh cho cận thần phong tặng một nơi tụ cư, thường đem mọi thứ cung cấp đầy đủ, nhà vua ngồi trên xe voi rung không tuyên lệnh, công khai truyền đi tất cả mười sáu nước lớn, không nơi nào không chúc mừng vui vẻ.

Như trong Tứ Phần Luật nói: “Xá-lợi-phất đầy đủ bốn biện tài: 1. Biện giải về pháp; 2. Biện giải về nghĩa; 3. Biện giải về từ ngữ; 4. Biện giải sáng tỏ. Nếu đầy đủ biện tài như vậy mà ngoại đạo không khuất phục, thì điều này thật vô lý”. Còn trong Thắng Tư Duy Luận nói: “Bồ-tát có 7 loại đức, đều dựa vào Lạc Thuyết Biện Tài. Những gì là bảy loại? Đó là: 1. Các loại Lạc thuyết biện tài; 2. Lạc thuyết biện tài không

vướng mắc; 3. Lạc thuyết biện tài kiên cố; 4. Lạc thuyết biện tài sáng tỏ; 5. Lạc thuyết biện tài không yếu hèn; 6. Lạc thuyết biện tài tương ưng; 7. Lạc thuyết biện tài bất cứ chỗ nào. Đây là thành tựu của Bồ-tát Địa thứ tám”.

Lúc ấy Cát Cổ Sư Tử, tên gọi Câu Luật Đà, dòng họ Đại Mục-kiền-liên, là bạn của Xá-lợi-phất, tài trí và đức hạnh của hai người như nhau, đi thì cùng đi, ở thì cùng ở, từ nhỏ lớn lên kết bạn với nhau giao ước cần phải có trước có sau. Về sau hai người đều chán ngán thế gian mà rời nhà đi xa học đạo, làm đệ tử của Phạm Chí, tâm nguyện mong cầu tiến vào cửa đạo đã lâu mà không có biểu lộ gì, vì vậy thưa hỏi với Thầy, Thầy tên là Sán Xà Da, bèn trả lời rằng: Từ khi Ta cầu đạo đến nay trải qua nhiều năm tháng, nhưng không biết đến đạo quả, không phải là của con người chăng? Ngày nọ Thầy lâm bệnh, Xá-lợi-phất đứng ở đầu, Đại Mục-kiền-liên đứng ở phía chân, hai người vô cùng buồn lo. Vị Thầy sắp mất mới thương xót mà cười, hai người chung lòng đều hỏi ý Thầy cười. Thầy trả lời rằng: Thế tục không có mắt nên bị ân ái làm cho tổn hại, Ta thấy Quốc vương chết nơi cung vàng điện ngọc, Đại phu nhân của nhà vua tự mình nhảy vào ngọn lửa cầu mong cùng ở một nơi, mà hành nghiệp báo ứng của hai người này đều khác nhau thì nơi sanh ra hoàn toàn cách biệt. Lúc ấy hai người ghi lại lời nói của Thầy, muốn dùng nghiệm xét thực hư thế nào? Sau đó có người buôn xứ Kim Địa từ xa đến nước Ma-già-đà, đem lời nghiệm xét sơ lược thì quả nhiên như lời Thầy nói, mới quay lại than rằng: Xưa kia mình không phải là người ấy chăng, hay là Thầy che dấu mình chăng? Hai người thề rằng: Nếu ai gặp được cam lộ trước, thì cần phải báo cho nhau biết!

Vì vậy trong kinh Phật Bản Hạnh nói: “Lúc ấy Xá-lợi-phất gặp Tỳ kheo Mã Túc đi vào thành khát thực, tất cả dân chúng trong thành đều cùng nhau bình luận nói kệ rằng: Khéo léo thâm nhiếp các Căn-Thức, tiến tới - dừng lại luôn vắng lặng, mỉm cười phát ra lời tốt đẹp, đây ắt là người dòng họ Thích.

Lúc ấy Xá-lợi-phất liền thưa thỉnh rằng: Đại Sư của ông đức hạnh và pháp thuật cũng hơn hẳn ông chăng? Lúc bấy giờ A thấp ba Du bạt đa (Thời Tùy gọi là Mã Túc) liền nói kệ trả lời rằng:

Như hạt cải so với Tu di, dấu chân trâu so với biển rộng,

Ruồi muỗi sánh với chim cánh vàng, tôi và Thầy tôi cũng như vậy.

Giả sử Thanh Văn vượt qua bờ bên kia, thành tựu các Địa hãy còn là đệ tử, ở bên bật Thầy không đáng để tính đếm, so với Đức Thế tôn

uy đức trọn vẹn.

Ngay sau đó Xá-lợi-phất lại nghe nói kệ rằng:

Các pháp từ nhân duyên sanh ra, cũng từ nhân duyên mà diệt đi,
Thầy tôi là bậc Đại Sa Môn, luôn luôn thuyết pháp vốn như vậy.

Xá-lợi-phất nghe rồi, ngay lúc ấy thấy được chân lý đạt được Pháp Nhãn Tịnh. Xá-lợi-phất đã đạt được quả vị Tu-đà-hoàn, tiếp tục hưởng về Mục-kiền-liên cũng nói kệ này, Mục-kiền-liên nghe Xá-lợi-phất nói, cũng đạt được quả vị Tu-đà-hoàn. Thế là Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, cả hai người dẫn theo năm trăm quyến thuộc cùng đi đến nơi Đức Phật, đều đạt được quả vị A-la-hán”.

Y theo Tứ Phần Luật và các kinh khác, đều nói: “một ngàn hai trăm năm mươi người, đến nơi trú xứ của Đức Phật đạt được quả vị A-la-hán”.

Y theo Luận hỏi rằng: Vì sao gọi là Xá-lợi-phất? Đáp rằng: Là do mẹ mà làm tên gọi. Trong nước Già-đà này có thành quách rộng lớn, gọi là thành Vương xá, nhà vua tên gọi Tần Bà-sa-la. Có Luận sư Bà-la-môn, tên gọi Ma-đà-la. Nhà vua vì người ấy có sở trường năng lực luận bàn, cho nên phong tặng một khu vực, cách thành không xa. Ma-đà-la này liền có nhà ở, vợ sinh được một cô con gái, mắt giống như mắt chim Xá-lợi, thế là gọi cô con gái này là Xá-lợi. Sau đó sanh được một cậu con trai, đầu gối khá to nên gọi là Câu-hy-la (Thời Tần nói là Đại Tấ). Đã có nhà ở nuôi dưỡng con cái, kinh thư đã học đều đã lâu năm cho nên không tiếp tục sự nghiệp mới. Lúc này phía Nam Thiên Trúc có một Bà-la-môn là bậc thầy giỏi về luận nghị, tên là Đề-xá, đối với 18 loại Đại Kinh thấy đều thông suốt lưu loát. Người này đi vào thành Vương xá, trên đầu đội ngọn đèn- dùng lá đồng mỏng bao quanh bụng. Người ta hỏi đến nguyên cớ ấy, thì nói rằng mình đã học rất nhiều kinh thư sợ rằng bụng sẽ toác ra, vì vậy phải bao bọc lại. Lại hỏi: Vì sao trên đầu đội ngọn đèn? Đáp rằng: Bởi vì quá tối tăm. Mọi người nói rằng: Mặt Trời mọc chiếu sáng khắp nơi, vì sao nói là tối tăm? Đáp rằng: Tối tăm có hai loại, một là ánh sáng mặt Trời không soi chiếu, hai là ngu si cho nên tối tăm, nay tuy có ánh sáng mặt Trời mà ngu si hãy còn tối mịt. Mọi người nói: Ông chỉ chưa gặp Bà-la-môn là Luận sư Ma-đà-la, nếu ông gặp rồi thì bụng sẽ co lại - ánh sáng sẽ mờ tối. Bà-la-môn này từ xa đi đến bên cạnh chiếc trống đánh lên tiếng trống muốn luận nghị. Quốc vương nghe tiếng trống, hỏi là ai vậy? Các quan thưa rằng: Phía Nam Thiên Trúc có một Bà-la-môn, tên gọi Đề-xá, là Đại Luận sư muốn tìm nơi tranh luận, cho nên đánh trống luận nghị. Nhà vua rất hoan hỷ,

liền tập trung mọi người mà nói cho biết rằng: Có ai có năng lực chất vấn thì cho phép tranh luận. Ma-đà-la nghe rồi tự nhiên nghi ngờ, mình vì lâu năm cho nên không tiếp tục sự nghiệp mới, không biết bây giờ mình có thể tranh luận được hay không? Thế là gắng gượng đứng lên mà đến, ở giữa đường đi thấy hai con trâu nghé đang muốn húc nhau, trong lòng nghĩ rằng: Con trâu này là mình – con trâu kia là người ấy, lấy cảnh tượng này để xem thì biết ai sẽ giành được thắng lợi. Con trâu này không chịu nổi, thì rất ưu sầu, mà tự mình nghĩ rằng: Cảnh tượng như vậy thì mình sẽ không sánh bằng. Lúc sắp đi vào giữa mọi người, thấy có người mẹ ôm bình nước đang ở phía trước mặt, ngã nhào xuống đất làm vỡ chiếc bình, lại dấy lên nghĩ rằng: Điều này cũng không tốt, thật là không vui lắm! Đã đi vào giữa mọi người trông thấy Luận sư kia, dung mạo tâm ý thể hiện đầy đủ tướng trạng thắng lợi, tự biết mình không sánh bằng, tham gia không được kết quả gì, nhưng vẫn cùng nhau luận nghị. Luận nghị đã bắt đầu thì thuộc về phần thất bại. Nhà vua rất hoan hỷ, người Đại Trí sáng suốt từ xa đến nước mình mà giành phần thắng, lại muốn vì vậy mà phong cho một nơi tụ cư. Các quan bàn với nhau rằng: Một người thông minh đến thì phong cho một khu vực, bề tôi có công không ban thưởng mà chỉ sủng ái lời lẽ tranh luận, sợ rằng trái với đạo lý xây dựng lễ sống an lành cho quốc gia, nay Ma-đà-la tranh luận không bằng, nên dùng đất đai đã phong tặng trước kia mà ban cho người thắng cuộc, nếu như lại có người thắng cuộc thì tiếp tục lấy đó mà ban cho. Nhà vua nghe có lý nên sử dụng lời này, liền quyết định ban cho người thắng cuộc. Lúc này Ma-đà-la nói với Đề-xá rằng: Ông là người thông minh nên tôi đem con gái gả cho ông. Chí nam nhi đã mệt mỏi, nay muốn đi đến đất nước khác để tìm lại chí hướng vốn có. Đề-xá tiếp nhận cô gái ấy làm vợ, người vợ mang thai mộng thấy một người, thân khoác giáp trụ - tay cầm chày Kim Cang, đánh sập các núi nhỏ mà đứng bên cạnh núi lớn. Tỉnh giấc rồi bày tỏ với chồng rằng: Thiếp mộng thấy như vậy. Đề-xá nói: Nàng sẽ sinh con trai làm cho tất cả các Luận sư phải hàng phục, nhưng hơn được một người, mà luôn luôn làm đệ tử thôi. Xá-lợi mang thai, nhờ vào thai nhi cho nên cũng thông minh, rất có năng lực luận nghị. Em trai của Xá-lợi là Câu-hy-la cùng với chị bàn luận, đã từng bị đuoái lý không hơn được, biết là đứa bé trong thai ắt là người Đại trí tuệ, chưa sanh mà như vậy, huống hồ đến lúc sanh ra! Thế là bỏ nhà đi đến Nam Thiên Trúc học đạo, không cắt móng tay mà chỉ đọc 18 loại kinh thư cho thông suốt lưu loát, vì vậy cho nên người đương thời gọi là Trưởng Trảo Phạm Chí. Chị đã sinh con, sau bảy ngày đặt

trong vãi bông trắng mà đưa cho cha đứa bé xem. Cha đứa bé suy nghĩ: Mình tên là Đê-xá, theo tên gọi của mình, đặt tên là Ưu Ba Đê-xá. Đây là lấy cha mẹ làm tên gọi. Mọi người cho rằng từ Xá-lợi mà sanh ra, đều cùng nhau gọi là Xá-lợi-phất (bởi vì Phất nói là con, tức là con của Xá-lợi). Vả lại, Xá-lợi-phất ấy là bốn nguyện đời đời làm đệ tử trí tuệ bậc nhất ở cạnh Đức Phật Thích Ca, có tên là Xá-lợi-phất, đây là bốn nguyện nhân duyên mà gọi tên là Xá-lợi-phất.

Hỏi rằng: Nếu là như vậy, tại sao không nói Ưu-ba-xá mà chỉ nói là Xá-lợi-phất? Đáp rằng: Người đương thời quý trọng bà mẹ, là người thông minh bậc nhất ở trong những người nữ, vì nhân duyên này cho nên gọi là Xá-lợi-phất”.

Lại trong kinh Phật Bốn Hạnh nói: “Đức Phật ở tại thành Xá bà, ở trong khu vực ấy có một cây lớn, tên là Thi xa ba, dưới bóng mát tán cây có nhiều Bà-la-môn dừng lại nghỉ ngơi dưới ấy. Các Bà-la-môn từ xa nhìn thấy A-nan xuất hiện sắp đến gần, tất cả đều nói với nhau rằng: Các vị nên biết rằng, người này là đệ tử của Sa môn Cù Đàm, là người đứng đầu trong những người thông minh đa văn bậc nhất. Nói lời này xong, A-nan liền đến và thưa rằng: Nay vị Nhân giả, nay yêu cầu quan sát cây này có tất cả bao nhiêu ngọn lá? Lúc bấy giờ A-nan quan sát cây đó rồi, bèn trả lời những người kia rằng: Cành phía Đông có tất cả mấy trăm ngọn lá - mấy ngàn ngọn lá. Như vậy cành phía Nam-cành phía Tây - cành phía Bắc đều nói có tất cả mấy trăm ngọn lá - mấy ngàn ngọn lá. Nói lời này xong lập tức bỏ đi. Bấy giờ những thế hệ Bà-la-môn kia, sau khi A-nan rời xa liền lấy mấy trăm ngọn lá giấu kín một bên. A-nan đã quay lại, các Bà-la-môn ngay lúc ấy lại hỏi: Nhân giả A-nan, ông lại đến ư, xin tiếp tục quan sát cây này có bao nhiêu ngọn lá? Bấy giờ A-nan ngược lên quan sát cây rồi, liền biết các Bà-la-môn đã hái và giấu đi mất trăm ngọn lá, bèn trả lời những Bà-la-môn kia rằng: Cành phía Đông có tất cả mấy trăm ngọn lá - mấy ngàn ngọn lá; như vậy cành phía Nam - cành phía Tây - cành phía Bắc, cũng nói có tất cả mấy trăm ngọn lá - mấy ngàn ngọn lá. Nói lời này xong lập tức đi qua. Lúc bấy giờ những thế hệ Bà-la-môn kia, sanh tâm hy hữu chưa từng có, tất cả cùng nhau nói rằng: Sa môn này thật vô cùng thông minh - có trí tuệ to lớn. Những Bà-la-môn vì nhân duyên này mà tâm có được niềm tin đích thực. Có được niềm tin đích thực rồi sau đó không bao lâu tất cả đều xuất gia thành tựu đạo quả La hán”. (Sơ lược thuật lại đôi điều, còn lại đầy đủ như trong kinh văn).

Tụng rằng:

Then chốt khéo đối đáp biện giải,
 Giỏi dẫn dụ khiến tâm hàng phục,
 Nước tám công đức thấm mầm khô,
 Ba mình thân thông mở mắt mù.
 Đến hỏi tất cả không giống nhau,
 Trả lời dạy bảo đều vui lòng,
 Mong xả bỏ nỗi sợ bốn rông,
 Cũng trừ diệt hai chuột bức bách.
 Cây ý phát sinh hoa rỗng không,
 Sen tâm nở ra thơm ngọt ngào,
 Nói rõ biển xanh này thay đổi,
 Ví như quả Am La chín muồi.
 Trí vi diệu còn khéo rắng vàng,
 Từ sâu sắc như sương lung linh,
 Khéo học trái với người Phạm Trảo,
 Lời thật khác xa kẻ bao bưng.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Sơ lược dẫn ra bốn chuyện: 1- Thái Thú Triệu Chánh thời Tần; 2- Sa môn Thích Tăng Duệ thời Tấn; 3- Sa môn Chi Hiếu Long thời Tấn; 4- Sa môn Khương Tăng Uyên thời Tấn.

1. Thời Tần Phù Kiên có bề tôi là Triệu Chánh làm Thái Thú quận Vũ Uy, lập chí trung thành thẳng thắn làm cho Phật pháp lớn mạnh. Lúc Phù Kiên mới thất bại các hạng phản trắc tranh nhau dấy lên, chiến sự tàn khốc nổi lên khắp nơi làm cho dân chúng rơi vào cảnh đau thương ly loạn, mà có thể phiên dịch truyền bá kinh điển phần lớn là nhờ vào năng lực của Triệu Chánh. Lại là Hữu Chính tự Văn Nghiệp, là người vùng Thanh Thủy - Lạc Dương, có nơi nói là người vùng Tế Âm, tuổi đến 18 làm quan Ngụy Tần Trước Tác Lang, sau chuyển đến Hoàng Môn Thọ Lang làm Thái Thú quận Vũ Uy, là người không có râu mà lại gầy ốm, có thể thiếp mà không có con, lúc ấy gọi là hoạn quan, nhưng mà tính tình khoan dung nhanh nhạy học thông cả trong ngoài, tánh thích châm biếm can gián không bao giờ tránh né. Những năm cuối của Phù Kiên cứng chiều mê hoặc một nàng Tiên Ti mà lơ lửng đối với sự cai quản triều chính, vì vậy ca hát can gián rằng:

Xưa nghe có Mạnh ở bến sông, ngàn dặm làm ra một ca khúc,
 dòng nước này vốn tự trong veo, là ai quấy động khiến đục ngầu?

Phù Kiên lộ vẻ xúc động nói: Chính là Trầm, lại ca hát rằng:

Phía Bắc vườn có một cây táo, trái lá rủ bóng mát chập chùng, bên ngoài tuy rằng nhiều gai góc, bên trong quả có tẩm lòng son.

Phù Kiên cười nói rằng: Mong rằng không phải là Triệu Văn Nghiệp, điệu hát đó đùa cợt thích ứng linh hoạt đều tương tự như vậy. Sau đó nhân tiện Phật pháp hưng thịnh ở vùng Quan Trung, nguyện vọng muốn được xuất gia, Phù Kiên luyến tiếc mà không đồng ý. Đến sau khi Phù Kiên qua đời mới toại nguyện với chí hướng của mình, lại đổi tên là Đạo Chính, nhân đó làm bài tụng rằng:

*Phật - chúng sanh có gì là muộn,
Niết-bàn như nhau sớm do đâu,
Quay về nương theo Đức Thích Ca,
Từ nay về sau tìm Đại Đạo.*

Về sau ẩn tích trong núi Thương Lạc chuyên tinh với kinh luật. Thứ Sử Hi Khôi vùng Ung Châu thời nhà Tần, kính trọng phong cách cao thượng ấy nên đến tận nơi giao du cùng nhau. Tạ thế tại Tương Dương, hưởng thọ hơn sáu mươi tuổi.

2. Thời nhà Tấn ở Trường An có Sa môn Thích Tăng Duệ, người vùng Trường lạc - quận Ngụy, thông suốt kinh luận biện giải linh hoạt khó mà sánh kịp, Diêu Hưng và Diêu Tung đối xử trọng hậu vô cùng. Diêu Hưng hỏi Diêu Tung rằng: Tăng Duệ như thế nào? Diêu Tung đáp: Thật là hàng tòng bách của nghiệp Vệ. Diêu Hưng sắc chỉ gặp mặt, muốn xem tài năng của Tăng Duệ. Phong Thái của Tăng Duệ mềm mỏng như nước tìm chỗ thấp - nói năng lịch sự nho nhã, Diêu Hưng rất vui lòng, lập tức truyền ban cho bổng lộc giúp đỡ rất nhiều. Sau đó Diêu Hưng nói với Diêu Tung rằng: Đây chính là tiêu điểm dẫn đường cho mọi nơi, đâu chỉ là hàng tòng bách của nghiệp Vệ thôi ư! Thế là danh tiếng lừng lẫy khắp nơi, xa gần đều tôn sùng phẩm đức cao đẹp. Kinh điển do La Thập phiên dịch đều có sự tham khảo cải chính của Tăng Duệ. Xưa kia Trúc Pháp Hộ phiên dịch bộ kinh Chánh Pháp Hoa, đến phẩm Thọ Quyết nói: Trời thấy người - người thấy Trời. La Thập dịch kinh đến đây mới nói rằng: Lời này nghĩa giống với Tây Vực, nhưng bởi ngôn từ quá mộc mạc. Tăng Duệ nói: Mong rằng không phải là người và Trời giao tiếp mà cả hai có thể gặp nhau! La Thập hoan hỷ nói: Thật sự như vậy. Tiêu điểm dẫn đường ấy xuất hiện đều tương tự như vậy. La Thập khen ngợi rằng: Tôi phiên dịch truyền bá kinh luận được cùng với ông gặp nhau thật sự không có gì hối hận. Viết các bài tựa cho Đại Trí Luận - Thập Nhị Môn Luận - Trung Luận, và viết các bài tựa trong các kinh Đại Phẩm - Pháp Hoa - Duy Ma - Tư Ích - Tự Tại Vương - Thiên

Tam Muội..., đều lưu truyền giữa thế gian. Tăng Duệ hoàng dương ca ngợi kinh pháp, luôn luôn hồi hướng nghiệp hạnh này nguyện sanh về cõi An Dưỡng. Thế là đến ngày sắp tạ thế đi vào phòng, tắm gội thấp hương lễ lạt xong trở về giường ngồi, mặt hướng về phía Tây chấp tay mà lìa trần. Ngày này cả chùa đều thấy khói hương ngũ sắc từ phòng Tăng Duệ tỏa ra. Hưởng thọ sáu mươi bảy tuổi.

3. Thời nhà Tấn ở vùng Hoài Dương có Sa môn Chi Hiếu Long, là người vùng Hoài Dương. Tuổi trẻ có phong độ và tư thái được coi là kính trọng, lại thêm thần thái siêu việt luận giải cao xa, đương thời không người nào có năng lực sánh bằng. Kết bạn tri âm cùng với Trần - Lưu - Nguyễn - Chiêm - Đinh - Xuyên - Dữu - Khải, người thế gian gọi là Bát Đạt. Lúc ấy có người chế giễu rằng: Đại tẩn có Hiếu Long hứng thú với thiên hạ làm tôn chỉ, Sa môn sao không cạo tóc khóa ca sa Thích Tử mà lại mặc áo quần toàn lụa là rục rỡ? Hiếu Long nói: Ôm ấp tất cả mà ung dung, chỉ có yên lặng mà chân thành, cắt tóc phá hủy dung mạo, đổi áo biến chuyển hình hài, người ta nói tôi nhục nhã-tôi bỏ đi người ta vui, vốn vô tâm đối với cao quý mà càng cao quý hơn, vô tâm đối với đầy đủ mà càng đầy đủ hơn. Sự biện giải linh hoạt hơn thời của Hiếu Long đều tương tự như vậy. Cho nên Tôn Xước làm bài ca ngợi rằng:

*Nhỏ bé mới dễ mô phỏng,
To lớn khó mà bắt chước,
Hiếu Long luôn như vậy,
Bước đến cảnh giới cao xa,
Vật tranh nhau đến tông quy,
Người nghĩ làm theo nương nhờ,
Suối mây bao phủ mặt mù,
Gió thơm rào rạt quấn quanh.*

4. Thời nhà Tấn có Sa môn Khương Tăng Uyên, gốc người Tây Vực, sanh ra tại Trường An, diện mạo tuy là người Hồ mà ngôn ngữ thật sự là Trung Quốc, dung mạo cử chỉ ngay thẳng, chí hướng sự nghiệp sâu xa. Thời nhà Tấn thành lập cùng với Khương Pháp sớng, Chi Mẫn Độ... cùng nhau vượt sông. Pháp sớng cũng có tài trí qua lại làm chỗ thân thiết, gặp những nhân vật bắt đầu luận bàn nghĩa lý, Pháp sớng luôn luôn cầm cái chổi lông, đi lại mỗi lần gặp khách danh tiếng thì tán dóc suốt ngày. Dữu Nguyên Quy nói với Pháp sớng rằng: Cái chổi lông này vì sao luôn luôn cầm trên tay? Pháp sớng nói: người liêm khiết không cầu, người tham lam không cho, vì vậy cần phải luôn luôn cầm

trên tay. Tăng Uyên cũng biện giải linh hoạt càng vượt xa Pháp sư. Lúc ấy Gia Vương Mậu Hoằng, vì thấy Tăng Uyên mũi cao mắt sâu, cứ đến là đùa cợt. Tăng Uyên nói: Mũi là núi của khuôn mặt, mắt là vực sâu của khuôn mặt, núi không cao thì không linh thiêng, vực không sâu thì không trong suốt. Người lúc ấy cho rằng có tài đối đáp nổi tiếng khó ai sánh bằng.

Thiên thứ 59: NGU TRANG (ngu đốt).

Thiên này có ba phần: Thuật ý, Bàn Đà, Tạt si.

Thứ nhất- PHẦN THUẬT Ý

Ngũ si dần độn, là gốc rễ của mọi thứ bệnh, là nguồn gốc làm chướng ngại đạo, khiến cho mờ mịt trong ba hữu – chìm đắm giữa bốn lưu, sáu tình luôn đóng lại – ba độc luôn mở ra; hỏi đến sướng miệng mở lời thành xằng bậy, quá ngu si không thể giúp đỡ làm cho phấn chấn, thích danh tiếng không thể đầy đủ để đạt mục đích; góp thiện tâm bằng đầu ngọn cỏ, nhỏ hung tàn từ nơi nguy hiểm, ngu đốt không phân biệt được cây đậu cây lúa, đâu biết ngu si mê muội là tội lỗi không gì lớn hơn!

Thứ hai: PHẦN BÀN ĐÀ

Như trong Thiện Kiến Luật nói: “Bàn Đà, Trung Hoa nói là Lộ Biên Sanh. Tại vì sao? Bởi vì mẹ của Bàn Đà vốn là con gái gia đình Trưởng giả rất giàu có, Trưởng giả chỉ có một cô con gái này, thương yêu rất sâu nặng, làm lầu cao bảy tầng dành riêng cho con gái, sai một người tôi tớ cung cấp cho những thứ cần dùng. Người tôi tớ trưởng thành được dịp thuận tiện qua lại tư thông với nhau, bèn cùng với người tôi tớ tìm cách lo liệu: Nay thiếp cùng chàng trốn đến nước khác! Ba lần hỏi ý người tôi tớ như vậy, người tôi tớ nói rằng không thể nào đi được. Cô gái nói với người tôi tớ rằng: Nếu chàng không đi thì cha mẹ thiếp biết chắc chắn sẽ giết chàng. Người tôi tớ trả lời rằng: Nếu tôi đi đến nơi khác thì nghèo túng không có của cải, làm sao sinh sống được? Có gái nói với người tôi tớ rằng: Chàng cứ đi theo thiếp, thiếp sẽ lấy trộm châu báu cùng chàng mang đi. Người tôi tớ trả lời rằng: Nếu như vậy thì tôi đi cùng nàng. Cô gái này ngày ngày lấy trộm châu báu đưa cho người tôi tớ, mang ra cất giấu ở bên ngoài. Đoán chừng được đủ gánh dành cho hai người, cô gái khiến người tôi tớ đi ra ở bên ngoài trước cùng đợi nhau. Cô gái này thì mượn áo quần nô tỳ mặc vào khóa trái cửa mà ra ngoài, cùng với người tôi tớ theo nhau rời xa đến nước khác, tìm nơi dừng lại sinh sống. Trong một vài năm thì mang thai sắp sinh con, tâm tự nghĩ rằng: Nay mình ở đây nếu sinh đẻ thì không có ai để sắp xếp giúp đỡ. Suy nghĩ nhớ đến mẹ nên muốn được trở về nhà, cùng với chồng trù tính, nhưng người chồng không đi, nói rằng nếu quay về thì nhất định sẽ giết chết tôi. Người chồng đi vào núi đốn củi không ở nhà, sau đó người vợ đóng cửa mà đi. Người chồng trở về không thấy

vợ mình, liền hỏi hàng xóm có thấy vợ mình không? Đáp rằng: Vợ ông đã đi rồi. Người chồng lập tức đuổi theo đến giữa đường thì gặp, người vợ đã sinh một cậu con trai. Người chồng nói với vợ rằng: Nàng vì sắp sinh cho nên phải đi, nay nàng đã sinh thì đâu cần phải đi chứ? Người vợ nghe lời liền quay về. Sau đó không lâu, lại tiếp tục mang thai, sắp sinh lại ra đi, đến được nửa đường lại sinh một cậu con trai, người chồng đuổi theo giữa đường thì gặp và cùng quay về. Cả hai cậu bé đều sinh ra ở bên đường, cho nên nhân tiện đặt tên là Bàn Đà. Anh em Bàn Đà và các trẻ nhỏ hàng xóm cùng chơi đùa, hai cậu bé mạnh hơn đánh những trẻ nhỏ hàng xóm, những đứa trẻ nằng nẵng rằng: Bọn mày không có lực thân quyến thuộc, cô đơn ở nơi này, sao dám đánh bọn tao? Hai cậu bé nghe mắng như vậy trở về nhà khóc tức tưởi, hỏi mẹ về việc này. Mẹ im lặng không trả lời. Hai cậu bé khóc to nức nở không chịu ăn uống. Mẹ thấy hai con không chịu ăn uống nghĩ mà thương con bèn nói cho biết sự thật ấy. Hai cậu bé nghe rồi liền nói với mẹ rằng: Đưa con về nhà ngoại chứ không thể nào ở đây được. Mẹ không đồng ý, hai cậu bé khóc tức tưởi không thôi. Mẹ cùng với chồng trừ tính liền cùng nhau đưa đến bên ngoài cổng nhà ngoại, nhờ người báo cho cha mẹ biết. Cha mẹ nghe rồi trả lời rằng: Để hai đứa trẻ đi vào, còn cha mẹ chúng không cần phải gặp mặt. Trưởng giả liền sai người đón hai đứa trẻ vào. Vào nhà rồi lấy nước ấm pha hương tắm rửa - mặc áo quần - đeo chuỗi ngọc, ôm lấy hai đứa trẻ đặt trên hai đùi gối, hỏi rằng: Mẹ cháu ở nơi xứ người sinh sống ra sao, không quá nghèo túng thiếu thốn chứ? Hai đứa trẻ đáp rằng: Ở xứ người nghèo thiếu đốn củi để bán mà tự sinh sống. Người mẹ nghe mà nghĩ thương bèn lấy túi đựng vàng bạc sai người đưa cho con gái, nói cho biết rằng: Con để hai đứa trẻ lại đây mẹ tư nuôi dưỡng chăm sóc, con đem vàng bạc này trở về nơi ở trước đây có thể tự mình sinh sống, không cần phải để cho mẹ gặp mặt làm gì. Hai đứa trẻ lớn lên cưới vợ cho chúng, ông bà tuổi già đến lúc sắp mất, đem tất cả gia nghiệp của mình giao cho hai đứa cháu. Ông bà đã mạng chung, người anh đem việc nhà giao cho người em rồi xuất gia, xuất gia không bao lâu thì đạt được quả vị La hán. Người em chán ngán cõi tục, sau đến nơi người anh mà mong cầu xuất gia, người anh liền độ cho em. Người anh dạy cho một bài kệ, bốn tháng học không thuộc, quên trước mất sau. Người anh trách móc nghĩ rằng: Người này không có duyên với Phật pháp. Thế là bảo nên quay về nhà, liền thâu ca sa đuổi ra ngoài cổng, người em bị đuổi ra ngoài cổng thì đứng lại khóc nức nở không muốn về nhà. Lúc bấy giờ Đức Thế tôn dùng Thiên nhãn quan sát nhìn các chúng sanh,

thấy Châu La Bàn Đà hợp duyên có thể hóa độ, Ngài liền đi đến người em hỏi vì sao mà khóc. Bàn Đà trả lời đầy đủ với Đức Thế tôn về nhân duyên bị người anh đuổi. Đức Phật biết không phải là khả năng Thanh Văn mà độ được, thế là dẫn đến chỗ khác. Đức Thế tôn an ủi tâm tư Bàn Đà, liền lấy một ít vải bông trắng đưa cho Châu La Bàn Đà và bảo rằng: Con cầm vải bông này hướng về phía mặt Trời mà giữ sạch, nên khởi lên ý nghĩ này: Lấy cái bẩn - lấy cái bẩn! Đức Thế tôn dạy bảo xong thì đi vào thôn xóm, thọ nhận sự thỉnh cầu của mẹ Tỳ Xá Khư. Đức Thế tôn đến nửa đường quán sát thấy Bàn Đà sắp đạt được đạo quả, Ngài liền thuyết kệ rằng:

*Người đi vào vắng lặng hoan hỷ,
Thấy pháp trong lòng được an lạc,
Trước tiên vui nhất là không giận,
Không làm tổn hại đến chúng sanh.
Thế gian không có dục lạc nào,
Vượt ra khỏi vòng vây ái dục,
Nếu như điều phục được Ngã mạn,
Thì đây là niềm vui bậc nhất.*

Lúc bấy giờ Châu la bàn đà, từ xa nghe kệ này liền đạt được quả vị A-la-hán”.

Lại trong kinh Tăng Nhất A-hàm nói: “Chu-lợi-bàn-đặc, Đức Phật dạy nắm cái chổi quét (Tảo Tuệ) khiến học thuộc, thuộc chữ Tảo thì quên chữ Tuệ, thuộc chữ Tuệ thì quên chữ Tảo, trải qua mấy ngày mới thuộc được hai chữ Tảo Tuệ. Tiếp tục nói hai chữ Trừ Cấu, Bàn-đặc suy nghĩ: Tro đất gạch đá, nếu trừ bỏ thì được thanh tịnh; phiền não ràng buộc là cấu bẩn, trí tuệ có năng lực diệt trừ, nay mình dùng trí tuệ để quét sạch sẽ các phiền não ràng buộc”.

Lại trong Tân bà sa Luận nói: “Người anh giảng dạy một bài kệ Già-đà, trải qua bốn tháng mà học không thuộc được, người anh trách mắng đuổi về. Lúc bấy giờ Đức Thế tôn trông thấy khóc lóc thật đáng thương, liền dùng thần lực chuyển kệ Già-đà mà người em đã học trước kia, tiếp tục giảng dạy cho biết, lập tức học được thuộc lòng. Qua 4 tháng đã dụng công vất vả, lại được dạy cho bài tụng để trừ sạch bụi bẩn, mà bảo cho biết rằng: Hôm nay có những Tỳ kheo từ nơi khác đến, thì con đều có thể vì họ mà chùi tất cả bụi bẩn trên giày dép cho họ! Tiểu Lộ cung kính vâng theo lời dạy thực hành nghiêm túc. Đến lúc chiều tối có một Tỳ kheo, giày dép dính đất bụi bẩn, Tiểu Lộ vẫn miệt mài lau chùi, một chiếc rất sạch, nhưng một chiếc lau mãi mà không

làm sao sạch được, liền dấy lên nghĩ rằng: Vật bên ngoài dính đầy bụi bẩn, tạm thời hãy còn có thể chùi sạch, ví như tham dục sân si và những cái bẩn bên trong, vậy nhiễm lâu dài nơi tâm nhờ vào đâu mà có thể sạch được? Lúc dấy lên ý niệm này, thì quán bất tịnh và trì tức niệm liền hiện rõ ở trước mắt, tiếp theo thứ tự liền đạt được quả vị A-la-hán. Hỏi: Tiểu Lộ vì duyên gì mà ám độn như vậy? Đáp: Tôn giả Tiểu Lộ, ở trong giáo pháp của Đức Phật Ca-diếp Ba xưa kia, thọ trì đầy đủ ba Tạng của Đức Phật, bởi vì cái bẩn tham tiếc giáo pháp che lấp tâm tư mà không hề giản giải cho người khác, nghĩa lý lĩnh hội từ lâu bị bỏ quên, do nghiệp ấy cho nên nay phải chịu quả báo vô cùng ám độn như vậy. Có nơi nói rằng: Tôn giả ấy đã từng ở trong thành Bà la ni tư làm người buôn heo, trôi năm trăm con heo chuyển đến đặt trên thuyền vượt sông đến bờ bên kia, đến lúc xuống thuyền, bởi vì hơi thở không thông cho nên năm trăm con heo đều đã chết; bởi vì nghiệp lực ấy mà bị ám độn như vậy. Có nơi nói rằng: Tôn giả ấy xưa ở trong đời khác, đã từng bít chặt cửa hang của loài thú Cù Đà, khiến không vượt ra ngoài được, mà chết ở trong hang, bởi vì nghiệp ấy cho nên ám độn như vậy”.

Lại trong kinh Xứ Xứ nói: “Đức Phật dạy: Xưa kia Tỳ kheo Chu-lợi-bàn-đặc, học hỏi trải qua hai mươi bốn năm, chỉ được năm chữ Nhiên Giải Câu Bất Ưu. Tại vì sao? Bởi vì túc mạng vốn có, lại được thấy năm trăm Đức Phật thấy đều biết thông suốt các kinh, nhưng bởi vì cất giấu kinh đạo không chịu chỉ bày cho người khác. Về sau bị bệnh hai mươi bốn ngày, lúc sắp chết mới hồi hận gọi người dạy cho. Nhờ có một chút phước thiện này cho nên biết được năm chữ, hưởng hồ đem tất cả giảng dạy cho người, thì phước thiện có được không thể kể hết”.

Lại trong kinh Pháp Cú nói: “Thời Đức Phật tại thế có một Tỳ kheo tên là Chu-lợi-bàn-đặc, lúc mới làm người xuất gia bầm tính rất ám độn, Đức Phật bảo năm trăm vị A-la-hán ngày ngày dạy dỗ, trong ba năm không được một bài kệ. Bốn chúng đệ tử trong nước đều biết người này thật ngu tối. Đức Phật thương xót dạy cho một bài kệ: Giữ miệng giữ ý thân đừng phạm, thực hành như vậy được độ thoát. Nay ông tuổi già mới thuộc được một bài kệ, mọi người đều biết đó không lấy gì làm lạ, bây giờ Ta sẽ giải thích về nghĩa lý ấy cho ông. Bỗng nhiên tâm tư thông suốt đạt được quả vị A-la-hán. Lúc ấy vua Ba-tư-nặc cung thỉnh Đức Phật và chúng Tăng, thiết hội tại chánh điện. Đức Phật muốn hiện rõ uy thần của Bàn-đặc, đưa bình bát khiếm ôm theo sau mà đi. Lính giữ cổng biết Bàn-đặc nên giữ lại không cho đi vào, nói rằng: Ông làm Sa môn mà một bài kệ không thuộc được, làm sao thọ nhận cúng dường,

tôi là người phạm tục mà còn biết được bài kệ, huống là Sa môn mà không có trí tuệ, bố thí cho ông chẳng ích lợi gì cho nên không cần phải bước vào cổng. Bàn-đặc liền dừng lại bên ngoài cổng. Đức Phật an tọa trên chánh điện rửa tay lau mặt đã xong, Bàn-đặc nâng bình bát duỗi cánh tay từ xa mà trao cho Đức Phật. Nhà vua và quần thần – phu nhân – Thái tử cùng 4 chúng đệ tử trong pháp hội, trông thấy cánh tay đưa vào mà không thấy thân hình người ấy, cảm thấy quái lạ mà thưa hỏi Đức Phật: Đây là cánh tay của người nào? Đức Phật bảo rằng: Chính là cánh tay của Tỳ kheo Bàn-đặc có đức có tài ấy mà. Thế là thỉnh vào chánh điện uy thần gấp bội thường ngày. Nhà vua thưa với Đức Phật rằng: Nghe Tôn giả Bàn-đặc bỗng tánh ngu si đần độn mới biết được một bài kệ, duyên gì mà đắc đạo? Đức Phật bảo với nhà vua rằng: Học không cần phải nhiều – thực hành mới là bậc nhất, Bàn-đặc có tài có đức hiểu được nghĩa của một bài kệ, tinh hoa lý lẽ với thần thái, thân miệng ý vắng lặng, thanh tịnh như vàng ngọc cõi Trời; tuy là học nhiều mà không thực hành thì chỉ có mất ý thức tâm tưởng chứ có lợi ích gì đâu! Ngay sau đó Đức Thế tôn liền thuyết kệ rằng:

*Tuy học thuộc ngàn chương,
 Câu nghĩa không chính xác,
 Không bằng một điểm chính,
 Nghe có thể diệt ý.
 Tuy học thuộc ngàn lời,
 Không biết nghĩa ích gì,
 Không bằng một ý nghĩa,
 Nghe thực hành giải thoát.
 Tuy học thuộc nhiều kinh,
 Không hiểu nghĩa ích gì?,
 Hiểu nghĩa một câu pháp,
 Thực hành nên đắc đạo.*

Cùng nghe kệ này có hai trăm Tỳ kheo đạt được quả vị A-la-hán, nhà vua và quần thần - phu nhân - Thái tử, mọi người đều hoan hỷ”.

Lại trong kinh Pháp Cú Dụ nói: “Xưa có một nước tên là Đa ma la, cách đô thành bảy dặm có một tinh xá, có năm trăm Sa Môn thường ở trong đó đọc tụng kinh điển hành đạo. Có một Tỳ kheo già tên gọi Ma-ha-lô, là người rất ám độn, năm trăm Đạo nhân thay nhau cùng chỉ dạy, trong mấy năm Trời không học được một bài kệ, mọi người cùng khinh chê không mong cùng gặp gỡ nhau, mà thường cho trông giữ tinh xá sai khiến quét dọn rác rưởi. Sau đó vào ngày Quốc vương thỉnh các

Đạo nhân vào cung cúng dường, Tỳ kheo Ma-ha Lộ tự nghĩ rằng: Mình sống giữa thế gian mà ám độn như vậy, không biết một bài kệ nên bị mọi người khinh rẻ, sống có ích gì? Thế là nắm dây thừng đi đến dưới cây to trong vườn phía sau muốn tự thắt cổ chết. Đức Phật dùng Đạo nhân từ xa trông thấy như vậy, hóa làm Thọ thần hiện ra nửa thân người mà trách mắng rằng: Tỳ kheo quá dở, vì sao làm như vậy? Ma-ha-lô bèn trình bày đầy đủ mọi nỗi đắng cay. Hóa thần trách rằng: Không được làm điều này, hãy tạm thời nghe Ta nói! Vào thời xa xưa lúc Đức Phật Ca-diếp tại thế, ông làm Sa môn thông suốt Tam Tạng, có năm trăm đệ tử cho mình là người nhiều trí tuệ mà khinh mạn mọi người, tham tiếc ý nghĩa kinh điển mà không giảng dạy chỉ bày, vì vậy đời đời sanh ra các căn ám độn, chỉ nên tự trách mình chứ tại sao tự coi rẻ mình? Ngay sau đó Đức Thế tôn hiện bày hình tượng thần thông sáng chói, vì Tỳ kheo mà thuyết kệ rằng:

*Người tự quý thân mình,
Giữ gìn thật cẩn thận,
Hy vọng muốn giải thoát,
Học đích thực không ngừng.
Thân là vật quý nhất,
Nên tự mình gắng học,
Lại mới dạy cho người,
Không biết mệt là trí.
Học trước phải sửa mình,
Sau đó sửa cho người,
Điều phục thân vào tuệ,
Ắt trở lại bậc cao.
Thân không lợi ích được,
Sao có thể lợi người,
Tâm điều phục ngay thẳng,
Nguyện nào không đạt được?
Trước do mình tạo ra,
Sau chính mình nhận lấy,
Làm ác tự mình chịu,
Như thép xuyên qua ngọc.*

Tỳ kheo Ma-ha-lô thấy Đức Phật hiện thân tướng sáng ngời, buồn vui xem trong sợ hãi, rập đầu lay dưới chân Đức Phật, tư duy nghĩa lý bài kệ, liền đi vào Định ý đạt được quả vị A-la-hán, tự biết túc mạng vô số đời kiếp của mình, Tam Tạng kinh điển tức thì xuyên suốt trong

tâm. Đức Phật bảo với Ma-ha-lô: Khoác y ôm bát đến Vương cung thọ được, ngồi ở phía trên năm trăm Đạo nhân, nghĩa Đạo nhân này là năm trăm đệ tử đời trước của ông, lại vì họ thuyết kinh khiến đạt được dấu tích của đạo, và làm cho Quốc vương sáng tỏ tin vào tội phước! Lập tức vâng theo lời Đức Phật dạy mà đi thẳng vào Vương cung ngồi ở chỗ phía trên. Mọi người trong lòng cảm thấy lạ không rõ nguyên cớ, tất cả theo ý nhà vua không dám quở trách gì, nghĩ rằng người ngu si đó không hiểu được tâm bố thí làm cho mệt mỏi. Nhà vua liền bưng thức ăn tự tay mình đặt vào mà suy nghĩ xem xét sự việc này là thế nào. Ma-hô-lô liền nói về bố thí cho mọi người nghe, âm thanh giống như sấm động – ngôn từ trong trẻo giống như mưa tuôn. Đạo nhân trên chỗ ngồi kinh sợ tự hối hận, đều đạt đến quả vị La hán; thuyết pháp cho nhà vua không có gì không giải thích rõ ràng, văn võ bá quan đều đạt được quả vị Tu-đà-hoàn”.

Thứ ba- PHÂN TẠP SI

Đập muỗi: Trong Thập tụng Luật nói: “Đức Phật thuyết kinh Bốn Sanh cho các Tỳ kheo rằng: Quá khứ có người nhuộm áo hói đầu, cùng với con trai mang áo đến bên bờ nước giặt giũ rồi phơi khô mang trở về. Lúc bấy giờ Trời rất nóng nên mất tối sầm, giữa đường gặp một tán cây, bèn lấy bọc áo gói dưới mà ngủ. Có con muỗi bay đến hút máu trên đầu người ấy, cậu con trai thấy cha rất mệt nổi đã nằm ngủ, thì phát ra Ác ý mắng rằng: Con muỗi ti tiện xấu xa này, tại vì sao đến hút máu cha ta? Liền cầm cây gậy to sắp đánh con muỗi. Con muỗi bay đi mà gậy đánh vào đầu, người cha chết tại chỗ. Lúc ấy Thọ thần liền thuyết kệ rằng:

*Thà rằng cùng người trí tuệ kết thù,
Chứ không thân thiết với người ngu,
Ngu vì muỗi mà hại đến cha,
Muỗi bay mà đánh vỡ đầu cha”.*

Đập ruồi: Trong kinh Hiền Ngu nói: “Trong nước Xá Vệ có một ông lão xuất gia, đưa con nhỏ thì làm Sa di, cùng với cha đi vào thôn khát thực, thôn xa Trời tối, cha già đi chậm, người con sợ thú dữ nên giúp người cha đi nhanh, đẩy cha ngã xuống đất lập tức mà chết. Đức Phật dạy: Ta biết tâm con không có Ác ý, không nhận chịu tội lỗi sát hại, đây là do thời quá khứ người cha bị bệnh đang nằm ngủ, có nhiều ruồi nặng bay đến liên tục quấy nhiễu làm cho phiền muộn. Người cha khiến đuổi ruồi, ruồi bay đến trên trán người con, liền dùng gậy đánh ruồi nhưng lại giết chết con mình, cũng không phải vì Ác ý mà nay

trở lại trả báo lẫn nhau thôi”.

Cứu vằng trăng: Trong Tăng Kỳ Luận nói: “Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Vào thời quá khứ có khu thành tên gọi Ba-la-nại, nước tên gọi Già Thi, ở nơi rừng sâu vắng lặng có năm trăm con khỉ đi khắp nơi trong rừng, đến dưới một cây Ni câu luật, dưới tán cây có cái giếng, trong giếng có vằng trăng ảnh hiện. Lúc ấy con khỉ đầu đàn trông thấy hình ảnh vằng trăng này liền nói với bầy đàn rằng: Vằng trăng hôm nay chết mà rơi vào trong giếng, nên cùng nhau kéo lên, đừng để cho thế gian tối tăm trong đêm dài! Cùng nhau bàn luận rằng: Làm sao có thể kéo lên được? Lúc ấy con khỉ đầu đàn nói: Tôi biết cách kéo lên, tôi nắm lấy cành cây, mọi người nắm lấy đuôi tôi, lần lượt nối tiếp nhau mới có thể kéo lên. Lúc ấy những con khỉ trong đàn lập tức như lời khỉ đầu đàn nói, lần lượt nắm lấy nhau, một lát chưa đến mặt nước, chuỗi dây khỉ thì nặng mà cành cây thì yếu nên gãy lìa, tất cả những con khỉ rơi vào trong giếng nước. Lúc bấy giờ Thọ thần liền thuyết kệ rằng:

*Những con thú này thật ngốc nghếch,
Bầy đàn khờ dại cùng theo nhau,
Vì thế tự sanh ra khổ não,
Sao có thể cứu được vằng trăng?*

Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Con khỉ đầu đàn lúc bấy giờ nay chính là ĐỀ-bà-đạt-đa. Bầy khỉ lúc bấy giờ nay chính là Lục quần Tỳ kheo. Lúc bấy giờ đã từng trải qua tùy thuận với nhau nhận chịu những khổ não, bây giờ lại như vậy.

Ghen ghét hình ảnh Trong kinh Tạp Thí Dụ nói: “Có hai vợ chồng đến gần vò rượu bồ đào muốn lấy rượu trong vò, hai vợ chồng cùng nhau trông thấy hình ảnh của mình, cả hai người ghen nhau và nói rằng giấu người nào ở trong vò. Hai người đánh nhau đến chết không thôi. Lúc ấy có Đạo nhân thấy sự tình như vậy bèn đập vỡ vò rượu, rượu đã không còn mà hai người cũng không có, ý hiểu ra biết là hình ảnh nên trong lòng rất hổ thẹn. Tỳ kheo liền nói cho nghe về pháp quan trọng, hai vợ chồng đều đạt đến địa vị A Duy Việt trí. Đức Phật dùng làm ví dụ, trông thấy hình ảnh mà đánh nhau là ví như người trong ba cõi, không biết năm ấm - bốn Đại đều là Khổ-Không, thân phát sinh ba Độc mà sanh tử không dứt”.

Phân y: Trong Thập Tụng Luận nói: “Đức Phật trú tại nước Kiều tát la, cùng với Đại Tỳ kheo Tăng an cư. Có hai Tỳ kheo già, hết mùa Hạ có được nhiều đồ vật bố thí, tự nghĩ rằng người ít mà đồ vật nhiều, không dám phân chia, sợ rằng phạm vào tội ấy. Tỳ kheo Bạt Nan-đà

biết chuyện nên đi đến chia phần, hỏi hai Tỳ kheo rằng: Ông có được y mà phân chia chưa vậy? Đáp rằng: Chưa phân chia được. Hai Tỳ kheo già hỏi rằng: Ông có thể phân chia hay không? Đáp rằng: Có thể, trong này nên làm yết ma! Liền mang y và đồ vật đến đặt ở phía trước, Bạt Nan-đà phân ra làm ba nhóm, giữa hai Tỳ kheo này đặt một nhóm, tự mình đến đứng giữa hai nhóm y mà nói rằng: Ông nghe tác pháp yết ma!

Hai người các ông nhận một nhóm, như vậy hai ông có đủ ba,
Hai nhóm gộp lại thuộc về tôi, như vậy mình tôi có cả ba.

Hỏi rằng: Yết ma như vậy được không? Đáp rằng: Được! Bạt Nan-đà gánh y sắp đi, Tỳ kheo kia nói: Đại đức Thượng tọa ơi, y và đồ vật chúng tôi chưa phân chia! Bạt Nan-đà nói: Cho ông phân chia, người biết cách nên tặng cho một chiếc y đẹp. Người kia nói: Sẽ tặng cho! Bạt Nan-đà từ giữa nhóm này lấy chiếc y rất giá trị đặt vào một nơi, còn lại phân ra làm hai phần, phân chia rồi gánh đi.

Các Tỳ kheo nghe rồi thưa với Đức Phật, Đức Phật quở trách nhiều rồi bảo với các Tỳ kheo: Bạt Nan-đà này không chỉ đời này mới chiếm đoạt, mà đời trước cũng đã chiếm đoạt, đó chính là ở đời quá khứ trong một eo sông có hai con rái cá, bắt được con cá chép to trong dòng sông nhưng không làm sao chia phần được. Hai con rái cá canh giữ, có con Dã Can đến uống nước, thấy hai con rái cá bèn nói rằng: Các cháu ở nơi này làm những gì? Rái cá đáp rằng: Cậu ơi, chúng cháu bắt được con cá chép này ở đại eo sông này nhưng không làm sao chia phần được, cậu có thể chia phần được không? Dã Can nói: được chứ, trong này nói kệ phân làm ba phần. Liền hỏi rái cá rằng: Các cháu, ai là người thích vào chỗ cạn? Đáp rằng: Là rái cá kia. Hỏi rằng: Ai thích vào chỗ sâu? Đáp rằng: Là rái cá kia. Dã Can nói: Các cháu nghe ta nói kệ:

*Vào chỗ cạn nên cho cái đuôi,
Vào chỗ sâu nên cho cái đầu,
Phần thịt thân hình nằm ở giữa,
Nên giao cho người biết cách chia.
Dã Can ngậm thân cá quay về,*

Dã Can mái nói kệ:

*Ông từ nơi nào đi về đây,
Đây miệng được thân cá giữa sông,
Chẳng có đầu - có đuôi như vậy,
Thịt cá chép ăn thật là ngon?*

Dã Can đực nói kệ rằng:

*Người có tướng nói năng tiếp xúc,
Mà không biết phương pháp phân biệt,
Người có khả năng biết phân biệt,
Như quan che giấu những cái được,
Cá chép không có đầu - có đuôi,
Vì vậy cho nên tôi được ăn.*

Đức Phật bảo với các Tỳ kheo: Hai con rái cá lúc ấy nay chính là hai Tỳ kheo già. Con Dã Can lúc ấy nay chính là Bạt Nan-đà. Bạt Nan-đà này đời trước đã từng chiếm đoạt, đời này lại chiếm đoạt làm thành lầu cao”.

Trong kinh Bách Dụ nói: “Xưa kia có người ngu si đần độn không biết gì, đến nhà người giàu có thấy ba tầng lầu cao rộng nghiêm trang tráng lệ, liền dấy lên nghĩ rằng: Mình có tiền của không thua kém người kia, tại sao không làm nhỉ? Thế là kêu thợ mộc mà hỏi rằng: Biết làm nhà vua kia không? Thợ mộc đáp rằng: Nhà ấy do tôi làm. Nhân tiện nói rằng: Nay hãy làm cho tôi! Thợ mộc liền đào đất đắp thành làm lầu. Người ngu si thấy đắp thành bèn nói với thợ mộc rằng: Tôi không muốn làm hai tầng dưới, trước tiên hãy làm tầng nhà cao nhất kia. Thợ mộc đáp rằng: Không bao giờ có chuyện này, đâu có chuyện không làm tầng cuối dưới thấp mà làm được tầng thứ hai kia, không làm tầng thứ hai thì làm sao tiến hành tầng thứ ba được? Người ngu si khăng khăng nói: Tôi không cần hai tầng dưới mà nhất định phải làm tầng trên cho tôi! Người lúc ấy nghe rồi thì sinh ra quái lạ mà cười nhạo. Vì như bốn chúng đệ tử của Thế tôn mà không chịu khó tu tập cung kính Tam bảo, lười nhác buông trôi mà lại mong cầu đạo quả, không mong ba quả vị dưới thấp mà chỉ muốn đạt được quả vị A-la-hán thứ tư, cũng bị người đương thời giễu cợt, như hạng người ngu si kia không có gì khác nhau. Không dựa theo thứ tự Tam Thừa mà trước tiên học Đại thừa cũng lại như vậy, cho nên trong kinh Phật Tạng nói: “Không trước tiên học theo Tiểu Thừa sau đó học theo Đại thừa thì không phải là đệ tử Phật”.

Mài dao: Trong kinh Bách Dụ nói: “Xưa có một người, bần cùng khổ khổ làm việc cho nhà vua, ngày tháng kéo dài thân thể gầy yếu, nhà vua thấy thương xót ban cho một con lạc đà chết. Người bần cùng có được rồi lập tức lột da, hiềm nổi dao cùn cho nên tìm đá muốn mài dao. Thế là lên trên lầu cao tìm được một hòn đá mài, mài dao cho sắc đi xuống mà lột da. Như vậy nhiều lần đi lại mài dao, sau đó chuyển sang khổ vì sợ không có khả năng lên lầu nữa, bèn treo con lạc đà trên lầu ngay nơi hòn đá mài dao, thật là làm trò cười cho thiên hạ. Giống

như người ngu si phá hủy cấm giới, dùng nhiều tiền bạc để mà tu phước, hy vọng được sanh lên cõi Trời mà trái lại phải chịu tai ương của mình. Như treo con lạc đà trên lều mài dao, dụng công rất nhiều mà có được rất ít lợi ích”.

Bán hương: Trong kinh Bách Dụ nói: “Xưa có Trưởng giả đi vào biển lấy hương Trầm Thủy, tích góp cả năm Trời mới được một xe, đến chợ mà bán. Bởi vì hương Trầm Thủy có giá đắt đỏ cho nên cuối cùng không có ai mua. Nhiều ngày không bán được nên tâm sinh ra mệt mỏi chán nản, thấy người ta bán than thì bán được mau chóng, bèn đốt cháy làm than bán được giá trị không bằng nửa xe; người ngu si giữa thế gian cũng lại như vậy, có vô lượng phước tiện chịu khó cầu mong Phật quả, chỉ vì khó đạt được liền sanh tâm lùi bước, không bằng phát tâm cầu quả Thanh Văn, mau đoạn tuyệt sanh tử làm bậc A-la-hán”.

Đánh cướp bằng cái bánh: Trong kinh Bách Dụ nói: “Xưa có hai vợ chồng có ba cái bánh, vợ chồng cùng phân chia mỗi người ăn một cái, còn lại một cái để dành, cùng nói lời yêu cầu rằng: Nếu ai có nói trước thì không cho ăn bánh. Đã đưa ra yêu cầu rồi thì vì một cái bánh cho nên hai người không dám nói. Lát sau có giặc cướp vào nhà trộm cướp lấy tiền bạc của cải trong nhà, tất cả mọi thứ đều thuộc về tay giặc cướp. Hai vợ chồng bởi vì trước đã yêu cầu cho nên mắt nhìn không nói năng gì. Giặc cướp thấy không nói năng gì thì chiếm đoạt người vợ trước mặt người chồng, người chồng mắt trông thấy lại cũng không nói gì. Người vợ thì gọi to là có giặc cướp, nói với người chồng rằng: tại sao người ngu si vì một cái bánh mà thấy giặc cướp không kêu lên? Người chồng vỗ tay cười nói: Cô vợ quá ỉu ơ, tôi đã giành được bánh không thể chia cho em đâu. Người đời nghe chuyện không có ai là không chê cười giễu cợt. Người phàm phu cũng lại như vậy, vì một chút danh lợi mà trá hiện im lặng cao siêu, để cho các loại ác tặc phiền não hư giả thừa cơ chiếm đoạt, đánh mất thiện pháp của mình mà rơi vào ba nẻo dữ, cũng không sợ hãi cầu mong con đường vượt khỏi thế gian, còn vui đùa mê mãi với 5 dục, cho dù gặp phải khổ đau vô cùng cũng không lấy gì làm lo sợ, giống như hạng người ngu si kia không có gì khác”.

Sợ vợ: Trong Kinh Bách Dụ nói: “Xưa có một người lấy hai cô vợ xinh đẹp, nếu gần gũi một cô này thì bị một cô kia nổi nóng, không làm sao xử lý êm đẹp được, thế là ở giữa hai cô vợ địch thân nằm ngửa không cử động. Gặp Trời mưa to mái nhà lâu ngày bị dột, nước và đất cùng giọt xuống rơi vào trong mắt. Bởi vì trước đó có yêu cầu nên không dám ngồi dậy tránh đi, thế là khiến cho đôi mắt bị mất ánh sáng. Phàm

phu thế gian cũng lại như vậy, gần gũi bạn bè tà vạy quen thói làm điều phi pháp, tạo ra nghiệp chướng oán kết rơi vào ba đường ác hiểm, ở mãi trong sanh tử làm mất ánh sáng mất trí tuệ, giống như ông chồng ngu si kia vì hai bà vợ của mình cho nên cả hai con mắt đều bị mù”.

Ngậm gạo: Trong kinh Bách Dụ nói: “Xưa có một người đến nhà người vợ, trông thấy người ta giã gạo thì đi đến chỗ ấy trộm gạo ngậm vào miệng. Người vợ đến thấy chồng muốn cùng chồng trò chuyện, trong miệng đầy gạo nên cũng không nói năng gì được, xấu hổ với vợ cho nên không chịu nhả ra, vì vậy không nói gì cả. Người vợ cảm thấy quái lạ sao không trò chuyện, đưa tay sờ xem, nói là miệng chồng bị sưng, nên nói với cha mình rằng: Chồng con mới đến, bất ngờ bị sưng miệng, cũng không làm sao trò chuyện được. Người cha vợ lập tức gọi thầy thuốc chữa trị. Lúc ấy thầy thuốc nói rằng: Bệnh này rất nặng trạng thái giống như đá nhét chặt, dùng dao cắt mổ mới có thể chữa lành được mà thôi. Lập tức lấy dao mổ toạc miệng ra, gạo từ bên trong chảy ra làm sáng tỏ sự việc. Người thế gian cũng lại như vậy, làm những việc xấu xa phạm vào giới thanh tịnh, che giấu lỗi lầm của mình không chịu bày tỏ rõ ràng, rơi vào địa ngục ngạ quỷ súc sanh, giống như người ngu si kia vì một chút xấu hổ cho nên không chịu nhổ gạo ra, lấy dao mổ miệng mới bày ra lỗi lầm của mình.

Bắt chước: Trong kinh Bách Dụ nói: “Xưa có một người muốn làm vừa ý, nhà vua hỏi người khác rằng: Làm sao để vừa ý nhà vua? Có người nói cho biết rằng: Nếu muốn làm vừa ý nhà vua thì ông nên bắt chước hình dáng của nhà vua. Người này thấy mặt nhà vua nheo, thì bắt chước nhà vua nheo mắt. Nhà vua hỏi rằng: Ông bị bệnh chăng, hay là trống gió chăng, vì sao mà mắt bị nheo? Người ấy trả lời nhà vua rằng: Tôi không bị bệnh về mắt, cũng không bị trúng gió, muốn làm vừa ý nhà vua, thấy mặt nhà vua nheo cho nên bắt chước nhà ấy mà. Nhà vua nghe nói vậy thì nổi giận ùng ùng, sai người lập tức đuổi ra khỏi đất nước. Người thế gian cũng như vậy, ở trong Phật pháp muốn được gần gũi, cầu mong thiện pháp để tự tăng trưởng cho mình. Đã được gần gũi mà không hiểu Như lai Pháp Vương vì chúng sanh cho nên dùng các loại phương tiện thị hiện những lỗi lầm thiếu sót, liên sinh ra giễu cợt hủy báng học theo những điều không đúng. Vì nguyên nhân này, ở trong Phật pháp vĩnh viễn đánh mất thiện căn của mình, rơi vào ba đường ác, giống như người ngu kia bắt chước nhà vua cũng lại như vậy”.

Sợ cây: Trong kinh Bách Dụ nói: “Ví như con Dã Can ở bên dưới tán cây, gió thổi cành gãy rơi xuống trên lưng nó, thế là nhắm mắt

không muốn thấy cây, rời bỏ mà đi đến ở nơi trống trải, thậm chí tối ngày cũng không chịu trở về; từ xa trông thấy gió thổi cành cây đung đưa từ trên xuống dưới, thì nói là cây gọi mình quay về dưới tán cây. Đệ tử ngu si cũng lại như vậy, đã được xuất gia được gần gũi thầy dạy, vì một chút trách mắng thì lập tức tránh xa, tiếp tục về sau thì gặp phải ác tri thức, não loạn mãi không thôi mới chịu trở về bên thầy dạy. Đi về như vậy thật sự là người ngu si mê hoặc”.

Tụng rằng:

*Lưới ái giăng đầy tâm tối đen, Tham si trái ngược
với trí mình, Tuy được nhờ đức tuệ soi chiếu, Mà
ngu muội hãy còn mù mắt.
Gàn bướng luôn luôn không giác ngộ, Chẳng tử trí tuệ
chưa nảy mầm,
Tự mình không ngưỡng mộ bạn hiền, Sao có thể thức
tỉnh tâm tư?*

